

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
PHAN ĐĂNG LƯU

NỘI DUNG ÔN THI GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN ĐỊA LÍ

PHẦN I: TỰ LUẬN

BÀI 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

1. Nêu vị trí địa lý nước ta.

-Tọa độ địa lý:

+ Cực Bắc: 23°23' B (Hà Giang)

+ Cực Nam: 8°34' B (Cà Mau)

+ Cực Tây: 102°09' Đ (Điện Biên)

+ Cực Đông: 109°24' Đ (Khánh Hòa)

-Như vậy nước ta nằm ở phía Đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á thuộc múi giờ thứ 7.

2. Nêu phạm vi lãnh thổ nước ta.

a/ Vùng đất:

- Diện tích: Gồm phần đất liền và các đảo rộng: 331.212 Km²

- Đường biên giới đất liền dài 4 600km giáp với 3 nước: Trung Quốc (1400km), Lào (2100km), CamPuChia (1100km).

- Đường bờ biển dài 3.260 km từ Móng Cái đến Hà Tiên. Có hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ trong đó có hai quần đảo ngoài khơi là Hoàng Sa (Đà Nẵng) và Trường Sa (Khánh Hòa).

b/ Vùng biển:

- Rộng khoảng 1 triệu km², giáp với 8 nước: Trung Quốc; Campuchia; Philippin; Malaixia; Brunây; Indonexia; Singapo; Thái Lan.

- Gồm 5 bộ phận:

+ ***Nội thủy:*** Là vùng nước tiếp giáp đất liền nằm ở phía trong đường cơ sở. Đây được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền.

+ ***Lãnh hải:*** Rộng 12 hải lý từ đường cơ sở ra xa. Là vùng biên giới quốc gia trên biển.

+ ***Tiếp giáp lãnh hải:*** Rộng 12 hải lý tính từ lãnh hải. Là vùng biển nước ta có quyền thực hiện các biện pháp để bảo vệ an ninh quốc phòng.

+ ***Đặc quyền kinh tế:*** Rộng 200 hải lý từ đường cơ sở ra xa. Vùng này nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng các nước khác được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm và tàu thuyền máy bay nước ngoài được tự do hoạt động hàng hải và hàng không theo công ước về luật biển năm 1982.

+ ***Thềm lục địa:*** Là phần ngầm dưới đáy biển tính từ lục địa ra xa đến độ sâu 200m. Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về mặt thăm dò, khai thác, quản lý và bảo vệ các tài nguyên thiên nhiên.

c/ Vùng trời: Là khoảng không gian bao trùm lên toàn bộ lãnh thổ nước ta.

3. Nêu ý nghĩa của vị trí địa lý

a/ Ý nghĩa tự nhiên:

- Qui định thiên nhiên nước ta mang tính chất khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

- Do nước ta nằm tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, gần vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải và Thái Bình Dương nên TN khoáng sản, sinh vật phong phú, đa dạng.
- Thiên nhiên phân hóa đa dạng : Bắc - Nam, Đông - Tây, theo độ cao.
- Nhiều thiên tai: bão, lũ lụt...

Bài 6 + 7: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

I/ Nêu đặc điểm chung của địa hình nước ta.

- Chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích là địa hình đồi núi nhưng chủ yếu là đồi núi thấp: Đồng bằng và đồi núi thấp (< 1000m) chiếm 85% diện tích. Núi cao (> 2000m) chỉ chiếm 1% diện tích.
- Cấu trúc địa hình đa dạng: gồm 2 hướng chính: hướng TB - ĐN và hướng vòng cung
- Địa hình được vận động Tân kiến tạo làm trẻ hóa lại.
- Địa hình mang tính chất khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với các quá trình xâm thực mạnh ở miền đồi núi và bồi tụ ở đồng bằng hạ lưu sông.
- Địa hình chịu sự tác động mạnh mẽ của con người: Phá rừng, đắp đê, trồng rừng...

II/ Đặc điểm các khu vực địa hình đồi núi.

a/Đông Bắc:

- Nằm ở tả ngạn sông Hồng. Chủ yếu là đồi núi thấp gồm 4 cánh cung là Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều chụm lại ở Tam Đảo và mở rộng về phía Bắc, phía Đông.
- Địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam
- Xen giữa núi là thung lũng sông: Sông Cầu, sông Thương...

b/Tây Bắc:

- Từ sông Hồng đến sông Cả, là vùng địa hình cao nhất nước ta.
- Phía Đông: Là dãy núi Hoàng Liên Sơn có đỉnh Phanxipang cao 3143m, phía Tây là các dãy núi trung bình chạy dọc biên giới Việt – Lào, ở giữa là các cao nguyên đá vôi từ Phong Thổ đến Mộc Châu.
- Xen giữa núi là thung lũng sông: Sông Đà, sông Mã...

c/Trường Sơn Bắc: Từ sông Cả đến dãy Bạch Mã. Chủ yếu là địa hình đồi núi thấp gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, cao hai đầu, thấp và hẹp ngang ở giữa.

d/ Trường Sơn Nam: Từ dãy Bạch Mã trở về phía Nam. Phía Đông là khối núi cổ cao đồ sộ tạo thành sườn dốc đứng bên cạnh đồng bằng nhỏ hẹp ven biển. Phía Tây là các cao nguyên badan xếp tầng cao Trung bình từ 500 – 800 – 1000m.

e/ Địa hình bán bình nguyên, đồi trung du: Nằm chuyển tiếp giữa miền núi và ĐB

- **Bán bình nguyên:** Rõ nhất là Đông Nam Bộ có bề mặt địa hình cao khoảng 100 - 200m

- **Địa hình đồi trung du:** Rõ nhất là ở rìa phía Bắc và phía Tây đồng bằng Sông Hồng.

III/ So sánh tự nhiên của ĐBSH và ĐBSCL. Nêu đặc điểm của ĐB ven biển:

a/Giống: Đều do phù sa sông bồi tụ trên vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng địa hình thấp và bằng phẳng.

b/Khác:

- **ĐBSH:** Rộng 15 nghìn km², do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp, địa hình cao ở rìa phía tây và thấp dần ra biển, có đê ngăn lũ nên trong đê không được bồi đắp phù sa hằng năm. Chủ yếu là đất phù sa ngoài ra có đất phèn, đất mặn.

- **ĐBSCL:** Rộng 40 nghìn km², do sông Tiền và sông Hậu bồi đắp, địa hình thấp và bằng phẳng, có mạng lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt. Có 2/3 diện tích là đất mặn, đất phèn và 1/3 là đất phù sa.

- **Ngoài ra có đồng bằng ven biển:**

Rộng 15 nghìn km². Là các đồng bằng nhỏ hẹp chạy dọc ven biển, chủ yếu là đất cát nghèo dinh dưỡng không thuận lợi cho trồng lúa nhưng thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, du lịch và nuôi trồng thủy sản.

BÀI 8: THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN

I/.Nêu khái quát về biển Đông.

Diện tích hơn 3 triệu km², là vùng biển nhiệt đới tương đối kín được bao bọc bởi các vòng cung đảo. Có nhiều TN thiên nhiên nhưng cũng có nhiều thiên tai như: bão, sạt lở bờ biển...

II/.Nêu ảnh hưởng của biển Đông đến khí hậu, địa hình và hệ sinh thái ven biển.

- **Khí hậu:** Làm tăng độ ẩm và các khối khí qua biển đem lại lượng mưa lớn giúp cho khí hậu nước ta mang tính hải dương điều hòa, mùa đông bớt lạnh, mùa hè bớt nóng.
- **Địa hình:** Ven biển đa dạng gồm: vịnh cửa sông, đầm phá, vũng vịnh...
- **HST :** Ven biển đa dạng gồm HST rừng ngập mặn, HST trên đất phèn và các đảo.

III/.Trình bày các TNTN và các thiên tai chủ yếu ở vùng biển nước ta.

a/ TNTN vùng biển:

- + Khoáng sản: Có giá trị nhất là dầu khí ở thềm lục địa đặc biệt là bể Cửu Long và Nam Côn Sơn ngoài ra còn có ti tan, cát trắng và nghề làm muối ở ven biển MTrung.
- + Hải sản đa dạng: Có >2000 loài cá, 100 loài tôm, hàng chục loài mực và hàng nghìn loài sinh vật biển khác..Ngoài ra ở các quần đảo có nhiều loài hải sản quý, rạn san hô...

b/ Thiên tai vùng biển:

➔Bão: Trung bình mỗi năm có từ 3- 4 cơn bão trực tiếp đổ vào nước ta ngoài ra mưa to gió lớn gây xói mòn sạt lở bờ biển, hiện tượng cát bay, cát chảy lấn chiếm làng mạc, ruộng đồng

-> Biện pháp: Sử dụng hợp lí nguồn lợi biển, phòng chống ô nhiễm biển và thiên tai để phát triển kinh tế biển.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM:

BÀI 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, PHẠM VI LÃNH THỔ

Câu 1.Nước Việt Nam nằm ở

- A. Bán đảo Trung Ấn, khu vực nhiệt đới.
- B. Phía đông Thái Bình Dương, khu vực kinh tế sôi động của thế giới.
- C. Rìa đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á
- D. Rìa phía đông châu Á, khu vực ôn đới.

Câu 2.Điểm nào sau đây **không** đúng với nước ta?

- A. Diện tích vùng đất là 331.212 km².
- B. Đường biên giới trên đất liền dài 5.400 km
- C. Đường bờ biển dài 3260 km.
- D. Có hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ.

Câu 3.Khung hệ tọa độ địa lí của nước ta có điểm cực Bắc ở vĩ độ

- A. 23°26'B
- B. 23°25'B
- C. 23°24'B
- D. 23°23'B

Câu 4.Khung hệ tọa độ địa lí của nước ta có điểm cực Nam ở vĩ độ

- A. 8°35'B.
- B. 8°34'B.
- C. 8°33'B.
- D. 8°32'B

Câu 5.Điểm cực Bắc của nước ta nằm ở xã

- A. Đất Mũi
- B. Vạn Thành
- C. Lũng Cú
- D. Sín Thầu

Câu 6.Điểm cực Đông của nước ta thuộc vào phạm vi lãnh thổ tỉnh

- A. Khánh Hòa
- B. Quảng Nam
- C. Cà Mau
- D. Phú Yên

Câu 7. Điểm cực Tây của nước ta thuộc vào phạm vi lãnh thổ tỉnh

- A. Lai Châu B. Điện Biên C. Quảng Ninh D. Lạng Sơn

Câu 8. Điểm cực Nam của nước ta thuộc vào phạm vi lãnh thổ tỉnh

- A. Kiên Giang B. An Giang C. Bạc Liêu D. Cà Mau

Câu 9. Theo chiều Bắc – Nam, phần đất liền nước ta nằm trong khoảng vĩ tuyến

- A. $8^{\circ}37'B - 20^{\circ}23'B$ B. $8^{\circ}37'B - 21^{\circ}23'B$ C. $8^{\circ}37'B - 22^{\circ}23'B$ D. $8^{\circ}34'B - 23^{\circ}23'B$

Câu 10. Theo chiều Tây – Đông, phần đất liền nước ta nằm trong giới hạn kinh tuyến

- A. $102^{\circ}10'D - 106^{\circ}24'D$ B. $102^{\circ}10'D - 107^{\circ}24'D$
C. $102^{\circ}10'D - 107^{\circ}24'D$ D. $102^{\circ}09'D - 109^{\circ}24'D$

Câu 11. Trên vùng biển, hệ tọa độ địa lí của nước ta còn kéo dài tới khoảng vĩ độ $6^{\circ}50'$ và từ khoảng kinh độ $101^{\circ}Đ$ đến

- A. $117^{\circ}20'D$ tại Biển Đông C. $117^{\circ}18'D$ tại Biển Đông
B. $117^{\circ}19'D$ tại Biển Đông D. $117^{\circ}17'D$ tại Biển Đông

Câu 12. Việt Nam nằm trong múi giờ số

- A. 6. B. 7. C. 8. D. 9

Câu 13. Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất toàn vẹn, bao gồm

- A. Vùng đất, vùng biển, vùng trời.
B. Vùng đất, vùng biển, vùng sông
C. Vùng núi, vùng đồng bằng, vùng ven biển.
D. Vùng đất, vùng biển, vùng núi.

Câu 14. Vùng đất là

- A. Phần được giới hạn bởi đường biên giới và đường bờ biển
B. Phần đất liền giáp biển.
C. Toàn bộ phần đất liền và các hải đảo.
D. Các hải đảo và vùng đồng bằng ven biển.

Câu 15. Tổng diện tích phần đất của nước ta là (km^2)

- A. 331.211 km^2 . B. 331.212 km^2 . C. 331.213 km^2 . D. 333214 km^2

Câu 16. Việt Nam **không** có đường biên giới trên đất liền chung với

- A. Trung Quốc B. Thái Lan C. Lào D. Campuchia

Câu 17. Nước ta **không** có đường biên giới trên biển với

- A. Trung Quốc B. Lào C. Campuchia D. Thái Lan

Câu 18. Việt Nam **không** có vùng biển chung với

- A. Philippin B. Đông Timo C. Brunây D. Malaixia

Câu 19. Phần lớn biên giới trên đất liền nước ta nằm ở khu vực

- A. Đồng bằng B. Miền núi C. Gò đồi D. Cao nguyên

Câu 20. Cửa khẩu nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt Nam – Lào?

- A. Móng Cái. B. Lao Bảo C. Hữu Nghị. D. Đồng Đăng

BÀI 6: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

Câu 1: Trong diện tích lãnh thổ của nước ta, địa hình đồi núi chiếm

- A. 1/4. B. 3/4. C. 4/5 D. 5/6

Câu 2: Trong diện tích cả nước, địa hình đồng bằng và đồi núi thấp chiếm

- A. 65%. B. 75%. C. 85%. D. 95%

Câu 3: Trong diện tích cả nước, địa hình núi cao (trên 2000m), chiếm

- A. 1% B. 2% C. 3% D. 4%

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với cấu trúc địa hình Việt Nam?

- A. Cấu trúc cổ được vận động Tân kiến tạo làm trẻ
B. Có sự phân bậc theo độ cao
C. Thấp dần từ tây bắc xuống đông nam
D. Địa hình núi cao chiếm diện tích lớn

Câu 5: Địa hình nước ta có hai hướng chính là

- A. Đông Bắc – Tây Nam và vòng cung
- C. Tây Bắc – Đông Nam và vòng cung

- B. Đông Nam – Tây Bắc và vòng cung
- D. Tây Nam – Đông Bắc và vòng cung

Câu 6: Tây Bắc– Đông Nam là hướng chính của

- A. Dãy núi Nam Trung Bộ.
- C. Các dãy núi Tây Bắc.

- B. Dãy núi vùng Đông Bắc
- D. Câu A và C đúng

Câu 7: Hướng vòng cung là hướng chính của

- A. Dãy Hoàng Liên sơn.
- C. Khối núi cực Nam Trung Bộ.

- B. Vùng núi Đông Bắc
- D. Dãy Trường Sơn Bắc

Câu 8: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ rõ rệt địa hình núi Việt Nam đa dạng?

- A. Miền núi có các cao nguyên ba dan xếp tầng và cao nguyên đá vôi.
- B. Miền núi có núi cao, núi trung bình, núi thấp, cao nguyên, sơn nguyên...
- C. Bên cạnh các dãy núi cao, đồ sộ, ở miền núi có nhiều núi thấp.
- D. Bên cạnh núi, miền núi còn có đồi

Câu 9: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình Việt Nam?

- A. Địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
- B. Cấu trúc địa hình khá đa dạng.
- C. Địa hình của vùng nhiệt đới khô hạn
- D. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.

Câu 10: Nước ta có 4 vùng núi là:

- A. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam.
- B. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc, vùng bán bình nguyên.
- C. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Nam, vùng đồi trung du.
- D. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc, vùng đồi trung du.

Câu 11: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

- A. Địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
- B. Có địa hình cao nhất nước ta.
- C. Có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc– Đông Nam.
- D. Gồm các dãy núi liên kê với các cao nguyên.

Câu 12: Điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình vùng núi Đông Bắc?

- A. Nằm ở phía tây của thung lũng sông Hồng.
- B. Có 4 cánh cung: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.
- C. Thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.
- D. Ở trung tâm là vùng đồi núi thấp.

Câu 13: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là

- A. Gồm các khối núi và cao nguyên.
- B. Có bốn cánh cung lớn.
- C. Có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta.
- D. Địa hình thấp và hẹp ngang.

Câu 14: Điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình vùng núi Tây Bắc?

- A. Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.
- B. Núi cao nhất nước ta.
- C. Có ba dải địa hình hướng tây bắc – đông nam.
- D. Có các cao nguyên badan.

Câu 15: Ba dải địa hình chạy cùng hướng tây bắc – đông nam ở Tây Bắc là

- A. Hoàng Liên Sơn, núi dọc biên giới Việt – Lào, các sơn nguyên và cao nguyên.
- B. Hoàng Liên Sơn, Phan – xi – păng, núi dọc biên giới Việt – Lào.
- C. Núi dọc biên giới Việt – Lào, Phan – xi – păng, các sơn nguyên và cao nguyên.
- D. Các sơn nguyên và cao nguyên, Hoàng Liên Sơn, Phan – xi – păng.

Câu 16: Địa hình núi cao nhất Tây Bắc nằm ở

- A. Hoàng Liên Sơn
- B. Biên giới Việt – Lào
- C. Biên giới Việt – Trung
- D. Các sơn nguyên đá vôi

Câu 17: Điểm nào sau đây **không** đúng với vùng núi Trường Sơn Bắc?

- A. Ở từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã
- B. Ở giữa nhô cao, hai đầu hạ thấp
- C. Hướng tây bắc – đông nam
- D. Thấp và hẹp ngang

Câu 18: Trường Sơn Nam gồm:

- A. Các khối núi và cao nguyên
- B. Các khối núi và sơn nguyên
- C. Các khối núi và bán bình nguyên
- D. Các khối núi và bán bình nguyên xen đồi.

Câu 19: Điểm nào sau đây **không** đúng với vùng núi Trường Sơn Nam?

- A. Sườn phía đông dốc, sườn phía tây thoải
- B. Khối núi ở hai đầu nâng cao, đồ sộ.

- C. Có các cao nguyên badan tương đối bằng phẳng D. Địa hình không có sự phân bậc
- Câu 20:** Đặc điểm khác biệt của Trường Sơn Bắc với Trường Sơn Nam?
- A. Địa hình cao hơn B. Hai sườn núi ít bất đối xứng hơn
- C. Sườn núi dốc hơn D. Có nhiều đỉnh núi hơn.

BÀI 7: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI (TIẾP THEO)

Câu 1: So với diện tích lãnh thổ, đồng bằng nước ta chiếm

- A. 1/2. B. 1/3. C. 1/4. D. 1/5.

Câu 2: Đồng bằng nước ta được chia thành 2 loại

- A. Đồng bằng châu thổ sông và đb ven biển. B. Đồng bằng châu thổ sông và đồng bằng giữa núi.
- C. Đồng bằng ven biển và đồng bằng giữa núi. D. Đồng bằng thấp và đồng bằng cao.

Câu 3: Đồng bằng châu thổ sông ở nước ta gồm

- A. Đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ và Đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 4: Điểm nào sau đây **không** đúng với đồng bằng sông Hồng?

- A. Được phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp nên.
- B. Rộng 40 nghìn km².
- C. Đã được con người khai phá lâu đời và làm biến đổi mạnh.
- D. Có hệ thống đê ven sông ngăn lũ chia cắt đồng bằng thành từng ô.

Câu 5: Địa hình đồng bằng sông Hồng

- A. Thấp trũng ở phía tây, cao ở phía đông. B. Cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.
- C. Cao ở phía tây, nhiều ô trũng ở phía đông. D. Cao ở tây bắc và tây nam, thấp trũng ở phía đông.

Câu 6: Bề mặt đồng bằng sông Hồng

- A. bị chia cắt thành nhiều ô. B. không còn được bồi tụ phù sa.
- C. không có ô trũng ngập nước. D. có nhiều diện tích đất mặn và phèn.

Câu 7: Điểm nào sau đây **không** đúng với đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Được hệ thống sông Cửu Long bồi đắp phù sa. B. Rộng 15 nghìn km².
- C. Có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. D. Địa hình thấp và phẳng.

Câu 8: Đồng bằng sông Cửu Long

- A. bị ngập trên diện rộng về mùa lũ. B. có hệ thống đê điều chằng chịt.
- C. rất ít đất phèn và đất mặn. D. địa hình cao.

Câu 9: Đồng bằng sông Cửu Long

- A. ít sông ngòi, kênh rạch. B. bị nước triều lấn mạnh về mùa cạn.
- C. có 1/3 diện tích đất mặn, đất phèn. D. các vùng trũng đã được bồi lấp xong.

Câu 10: Điểm giống nhau giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Đồng bằng phù sa châu thổ sông. B. Đồng có 2/3 diện tích đất phèn và đất mặn
- C. Đồng có hệ thống đê ven sông ngăn lũ. D. Đồng có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

Câu 11: Điểm nào sau đây **không** nổi bật ở đồng bằng sông Hồng?

- A. Hệ thống đê bao ngăn lũ. B. Bề mặt bị chia cắt thành từng ô.
- C. Vùng trong đê không được bồi tụ phù sa. D. Thủy triều lấn sâu vào mùa cạn.

Câu 12: Điểm nào sau đây **không** nổi bật ở đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Hệ thống đê ven sông. B. Sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
- C. Về mùa lũ, nước ngập trên diện rộng. D. Nhiều khu ruộng cao bạc màu.

Câu 13: Tổng diện tích của dải đồng bằng ven biển miền Trung là

- A. 5.000 km². B. 10.000 km². C. 15.000 km². D. 20.000 km².

Câu 14: Do biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành dải đồng bằng duyên hải miền Trung nên

- A. đồng bằng phân nhiều hẹp ngang. B. đồng bằng bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- C. đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông. D. có một số đồng bằng mở rộng ở các cửa sông lớn.

Câu 15: Điểm nào sau đây **không** đúng với dải đồng bằng duyên hải miền Trung?

- A. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ. B. Đất thường nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.

C. Từ tây sang đông thường có ba dải địa hình. D. Đồng bằng có diện tích lớn, mở rộng về phía biển.

Câu 16: Các dải địa hình ở nhiều đồng bằng duyên hải miền Trung lần lượt từ đông sang Tây thường là

- A. Cồn cát, đầm phá, vùng thấp trũng, đồng bằng đã được bồi tụ.
- B. Cồn cát, đầm phá, đồng bằng đã được bồi tụ, vùng thấp trũng.
- C. Đầm phá, Cồn cát, vùng thấp trũng, đồng bằng chân núi.
- D. Đồng bằng đã được bồi tụ, vùng trũng thấp, cồn cát, đầm phá.

Câu 17: Đồng bằng có diện tích lớn nhất là

- A. đồng bằng sông Hồng.
- B. đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ.
- C. đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 18: Do có nhiều bề mặt cao nguyên rộng, nên miền núi thuận lợi cho việc hình thành các vùng chuyên canh cây

- A. công nghiệp.
- B. lương thực.
- C. Thực phẩm.
- D. hoa màu.

Câu 19: Khả năng phát triển du lịch ở miền núi bắt nguồn từ

- A. địa hình đồi núi thấp.
- B. phong cảnh đẹp.
- C. nguồn khoáng sản dồi dào.
- D. tiềm năng thủy điện lớn.

Câu 20: Khoáng sản nào sau đây **không** có ở khu vực đồi núi nước ta?

- A. Đồng.
- B. Chì.
- C. Than đá.
- D. Dầu mỏ.

BÀI 8: THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN

Câu 1: Biển Đông có diện tích

- A. 1.447 triệu km².
- B. 2.447 triệu km².
- C. 3.447 triệu km².
- D. 4.447 triệu km².

Câu 2: Điểm nào sau đây **không** đúng với biển Đông?

- A. Là biển tương đối kín.
- B. Phía bắc và phía tây là lục địa.
- C. Phần đông và đông nam là vòng cung đảo.
- D. Nằm trong vùng nhiệt đới khô.

Câu 4: Biểu hiện nào sau đây **không** phải là ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu nước ta?

- A. Tăng độ ẩm của các khối khí qua biển.
- B. Giảm bớt tính khắc nghiệt của thời tiết trong mùa đông.
- C. Góp phần làm điều hòa khí hậu.
- D. Tăng cường tính đa dạng của sinh vật nước ta.

Câu 5: Biển Đông làm cho khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải hương là nhờ vào

- A. biển rộng, nhiệt độ cao và biến động theo mùa.
- B. biển rộng, nhiệt độ cao và có hải lưu.
- C. biển rộng, nhiệt độ cao và chế độ triều phức tạp.
- D. biển rộng, nhiệt độ cao và tương đối kín.

Câu 6: Biểu hiện của tính đa dạng địa hình ven biển nước ta là

- A. có vịnh cửa sông và bờ biển mài mòn.
- B. có đầm phá và các bãi cát phẳng.
- C. có nhiều địa hình khác nhau.
- D. có các đảo ven bờ và quần đảo xa bờ.

Câu 7: Vịnh Hạ Long thuộc tỉnh (thành phố)

- A. Hải Phòng.
- B. Quảng Ninh.
- C. Thái Bình.
- D. Nam Định.

Câu 8: Vịnh Cam Ranh thuộc tỉnh (thành phố)

- A. Đà Nẵng.
- B. Bình Định.
- C. Khánh Hòa.
- D. Phú Yên.

Câu 9: Vịnh Xuân Đài thuộc tỉnh

- A. Quảng Nam.
- B. Quảng Ngãi.
- C. Bình Định.
- D. Phú Yên.

Câu 10: Sự đa dạng và giàu có của hệ sinh thái vùng ven biển nước ta **không** bao gồm sự đa dạng và giàu có của

- A. hệ sinh thái rừng ngập mặn.
- B. hệ sinh thái trên đất phèn.
- C. hệ sinh thái rừng trên núi cao.
- D. hệ sinh thái rừng trên các đảo.

Câu 11: Điểm nào sau đây **không** đúng với hệ sinh thái rừng ngập mặn ở nước ta?

- A. Có nhiều loài cây gỗ quý.
- B. Cho năng suất sinh vật cao.
- C. Giàu tài nguyên động vật.
- D. Phân bố ở ven biển.

Câu 12: Rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở

- A. Bắc Bộ.
- B. Nam Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Nam Trung Bộ.

Câu 13: Vùng có diện tích ngập mặn lớn nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 14: Khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị nhất của vùng biển nước ta là

A. muối.

B. sa khoáng.

C. cát.

D. dầu khí.

Câu 15: Dọc ven biển, nơi có nhiệt độ cao, nhiều nắng, có ít sông đổ ra biển, là nơi thuận lợi cho nghề

A. làm muối.

B. khai thác thủy hải sản.

C. nuôi trồng thủy sản.

D. chế biến thủy sản.

Câu 16: Hai bể dầu khí lớn nhất hiện đang khai thác ở thềm lục địa nước ta là

A. Nam Côn Sơn, Cửu Long.

B. Thổ Chu – Mã Lai, Cửu Long.

C. Sông Hồng, Cửu Long.

D. Nam Côn Sơn, Thổ Chu – Mã Lai.

Câu 17: Điểm nào sau đây **không** đúng với sinh vật Biển Đông?

A. Giàu thành phần loài.

B. Năng suất sinh học cao.

C. Tiêu biểu cho vùng biển nhiệt đới.

D. Không phong phú về loài.

Câu 18: Trong Biển Đông có trên

A. 2000 loài cá, hơn 100 loài tôm.

B. 2000 loài cá, hơn 200 loài tôm.

C. 100 loài cá, trên 2000 loài tôm.

D. 100 loài cá, trên 1000 loài tôm.

Câu 19: Mỗi năm trung bình số cơn bão xuất hiện ở Biển Đông là

A. 8 – 9 cơn.

B. 9 – 10 cơn.

C. 10 – 11 cơn.

D. 11 – 12 cơn.

Câu 20: Hằng năm, trung bình số cơn bão trực tiếp đổ bộ vào nước ta là

A. 1 – 2 cơn.

B. 2 – 3 cơn.

C. 3 – 4 cơn.

D. 4 – 5 cơn.

HẾT

Lưu ý: Học sinh được sử dụng Atlats địa lí Việt Nam trong khi làm bài.